TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Bộ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà – Thu ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1002/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng.

Chị M và anh K đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh M trình bày:

Chị M và anh K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ) vào ngày 23/11/2023 (nay thuộc xã C, thành phố Đà Nẵng). Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Vợ chồng chị đã ly thân, phần ai nấy sống đến nay cũng gần 1 năm. Vì vậy, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn K. Về con chung, anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Đặng Võ T sinh ngày 09-10-2023. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị M không yêu cầu cấp dưỡng nữa và để anh K tự chu cấp theo khả năng của mình. Về tài sản chung và nợ chung, anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị M không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn K trình bày:

Về điều kiện kết hôn giữa anh và chị Đặng Thị Thanh M như chị M trình bày là đúng, anh không thay đổi, bổ sung gì thêm. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhưng theo anh chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Về con chung, như chị M trình bày, trong thời gian chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Đặng Võ T sinh ngày 09-10-2023, hiện nay con đang ở chung với chị M. Nếu buộc phải ly hôn thì anh thống nhất giao con cho chị M nuôi dưỡng trực tiếp vì con còn nhỏ, nhưng anh phải được thăm con không ai được cấm cản và anh cho con theo khả năng của mình chứ không cấp dưỡng hàng tháng. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị M về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đặng Thị Thanh M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn K, hiện anh K cư trú tại xã C, thành phố Đà Nẵng, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Chị Đặng Thị Thanh M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Thanh M và anh Nguyễn K tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ) – nay là xã C, thành phố Đà Nẵng, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị M và anh K thì thấy: chị M trình bày chị và anh K chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân gần 1 năm. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn. Anh K thì cho rằng giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp hoà giải để vợ chồng anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp cụ thể nào nhằm khắc phục mâu thuẫn gia đình, xây dựng hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2026, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã C thể hiện chưa tiếp nhận được thông tin gì liên quan đến mâu thuẫn giữa chị M và anh Kvà hiện nay chị M và anh K không còn sống chung.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh K đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

3.2. Về nuôi con chung: chị M và anh K có 01 con chung là Nguyễn Đặng Võ T sinh ngày 09-10-2023. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi ly hôn. Tại phiên tòa, anh K đồng ý giao con cho chị M nuôi khi ly hôn.

Xét thấy, chị M và anh K không có thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn; hiện nay, cháu T còn nhỏ, ở độ tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; chị M có đủ năng lực và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T; hiện cháu T đang ở với chị M và phát triển bình thường, việc giao cháu T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, chị M và anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Về chia tài sản và nợ chung: chị M và anh K đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh M.

1. Về hôn nhân: chị Đặng Thị Thanh M ly hôn với anh Nguyễn K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Đặng Võ T sinh ngày 09-10-2023 cho chị Đặng Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đặng Thị Thanh M phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003429, ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị M đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2026).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TAND KHU VỰC 7

ZDU100726.TL.QDBA
646

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân